疑问代词"什么"

(1) 这　是　什么　东西?

Zhè　shì　shénme dōngxī?

(2) 他　去　银行　做　什么?

Tā　qù　yínháng zuò shénme?

(3) 你　说　什么?

Nǐ　shuō　shénme?

Tự đúc kết công thức

LIVEWORKSHEETS